

Bản án số: 256/2022/HS-PT

Ngày 03 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hữu.

Ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 238/2022/TLPT-HS ngày 04/10/2022 đối với bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Văn L về tội “*Không chấp hành án*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thị M**, sinh năm 1972, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị B (Đều đã chết); có chồng Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến nay, hiện đang tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1964, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viêt T và bà Nguyễn Thị T (Đều đã chết); có vợ Phạm Thị M, sinh năm 1972 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/12/2016, vợ chồng Nguyễn Văn L, Phạm Thị M ký kết với Ngân hàng N - Phòng giao dịch E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk Hợp đồng tín dụng số 5204LVA 2016004049 vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay chăm sóc cây cà phê, cây tiêu, chăn nuôi bò và mua vật dụng gia đình. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất vay; hạn trả nợ ngày 02/12/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng Nguyễn Văn L, Phạm Thị M thế chấp cho Ngân hàng các tài sản theo Hợp đồng thế chấp số KL02/HĐTC ngày 02/12/2016, gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất như sau:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) số BH 727920 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/10/2012 cho ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M, đối với thửa đất số 246a, tờ bản đồ 13, diện tích 521m², đất tại Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- 01 GCNQSDĐ số BH 151125 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/5/2013 cho ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M, đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 13, diện tích 8.850m², đất tại Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- 01 GCNQSDĐ số AN 288203 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/11/2009 cho ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M, đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.499m², đất tại Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đến hạn trả nợ, dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng Nguyễn Văn L và Phạm Thị M không trả theo cam kết nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Ana giải quyết Hợp đồng tín dụng số 5204LVA 2016004049.

Ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”. Tại Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana tuyên xử: “Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 1.245.138.888 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng); Trong đó, tiền gốc là 1.000.000.000 đồng; tiền

lãi là 245.138.888 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 22/02/2019. Kể từ ngày 23/12/2019 ông L, bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc”; “Trong trường hợp ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ”.

Bà M kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên. Tại Bản án phúc thẩm số 109/2019/DS-PT ngày 05/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: “Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị M - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk”.

Mặc dù bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị M không tự nguyện thi hành bản án. Do đó, ngày 19/5/2020, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án gửi đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đề nghị thi hành Bản án số 109/2019/DS-PT ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi tiếp nhận đơn thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đã thông báo, yêu cầu vợ chồng Nguyễn Văn L, Phạm Thị M thi hành bản án. Ông L và bà M có điều kiện để thi hành án nhưng không chịu thi hành án vì cho rằng các cơ quan chức năng đã làm sai. Do đó, ngày 11/11/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đã tiến hành cưỡng chế, kê biên tài sản để thi hành án theo Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số: 362/QĐ-CCTHADS, ngày 28/5/2020 và Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/QĐ-CCTHADS, ngày 30/10/2020 (kê biên các tài sản mà ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị M đã thế chấp ngân hàng. Sau khi cưỡng chế, kê biên tài sản, cùng ngày 11/11/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đã ký hợp đồng và bàn giao tài sản kê biên cho ông Đoàn Trắc T, sinh năm 1973, trú tại buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để quản lý, trông coi tài sản.

Ngày 15/12/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K hợp đồng với Công ty đấu giá Hợp danh Đ để bán đấu giá tài sản đã được kê biên vào ngày 11/11/2020, theo Hợp đồng số 90/2020/HĐDVĐG-ĐGHDĐA. Ngày 18/3/2021, Công ty đấu giá Hợp danh Đ tiến hành bán đấu giá tài sản, theo đó người mua trúng đấu giá là ông Lê Trung T, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú tại: Số nhà D, đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với số tiền trúng đấu giá là: 1.548.887.600 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng).

Ngày 07/6/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ra Quyết định về việc giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá số 526/QĐ-CCTHADS và ngày 17/6/2021 đã bàn giao tài sản nêu trên cho ông Lê Trung T.

Đến ngày 11/11/2021, Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất ông T mua trúng đấu giá gồm: Thửa đất số 572 (cũ: 246a), tờ bản đồ số 13, diện tích 521m² theo GCNQSDĐ số DB 010470; Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 13, diện tích 9135,2m² theo GCNQSDĐ số DB 010471; Thửa đất số 246, tờ bản đồ số 13, diện tích 2498,5m² theo GCNQSDĐ số DB 010472, đất đều tọa lạc tại Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông Lê Trung T.

Sau khi được nhận tài sản, ông T chỉ khóa cổng và khóa nhà mà không đến ở, đồng thời vào ngày 15/11/2021, ông T hợp đồng với anh Trịnh Anh T1 cho anh T1 thuê lại căn nhà và diện tích đất của 03 thửa đất nêu trên để ở và quản lý tài sản. Tháng 12/2021, khi anh T1 chưa đến ở thì vợ chồng Nguyễn Văn L và Phạm Thị M đã tự ý phá khóa cổng và khóa nhà rồi vào ở trong nhà.

Ngày 10/01/2022, ông T làm đơn tố giác gửi đến Công an xã D.

Động cơ của Nguyễn Văn L và Phạm Thị M là không chấp hành bản án đã có hiệu lực pháp luật với mục đích chiếm giữ trái phép tài sản đã được cưỡng chế, kê biên và giao cho người trúng đấu giá tài sản.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana, Nguyễn Văn L và Phạm Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Văn L phạm tội “*Không chấp hành án*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị M 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/5/2022.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/8/2022 và ngày 06/9/2022, bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã nhận định, cũng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phạm Thị M 07 tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn L 06 tháng tù về tội “*Không chấp hành án*” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 Bộ luật hình sự phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên bản án sơ thẩm buộc bị cáo L phải tập trung cải tạo là không cần thiết, bởi lẽ, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã khắc phục hậu quả trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Vợ bị cáo Phạm Thị M cũng là bị cáo trong vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu thể hiện bị cáo bị bệnh tiểu đường, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo M; Sửa bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo L cho bị cáo được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Văn L tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Năm 2021, Phạm Thị M và Nguyễn Văn L mặc dù có đủ điều kiện để thi hành Bản án số 109/2019/DS-PT ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực pháp luật, nhưng đã không tự nguyện thi hành án. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành cưỡng chế, kê biên tài sản và bàn giao tài

sản cho người mua trúng đấu giá, nhưng Phạm Thị M và Nguyễn Văn L vẫn cố tình phá khóa nhà, chiếm giữ trái phép và ở lại căn nhà đã được bàn giao cho người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động tư pháp gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Không chấp hành án*” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo M và L xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với bị cáo Phạm Thị M: Mức hình phạt 07 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Trước và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Mức hình phạt 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo L là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải tập trung cải tạo là không cần thiết, bởi lẽ, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã khắc phục hậu quả trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Vợ bị cáo là Phạm Thị M cũng là bị cáo trong vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu thể hiện bị cáo bị bệnh tiểu đường, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội chịu sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị M, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Thị M; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị M 07 (Bảy) tháng tù về tội “*Không chấp hành án*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/5/2022.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Không chấp hành án*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Dray Sáp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THA HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Công an huyện Krông Ana;
- Chi cục THA DS huyện K;
-
- Lưu hồ sơ.

Văn Công Dẫn